TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 31 -8 - 2024
" V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Chính

2. Bà Hoàng Thu Hà

-***Thư ký phiên tòa****:* Ông Vũ Đức Thiên - Thư ký Tòa án nhân dân tp Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa*:* Bà Lê Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 495/2024/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; ĐKHKTT: Khu dân cư L, phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: Khu , phường T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thanh X, xã L, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

(Chị T, anh L có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn L sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện ĐKKH tại UBND xã Liên Hồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương ngày 22 tháng 9 năm 2020. Sau ngày cưới vợ chồng ăn ở chung với gia đình anh L, cả hai đều lao động tự do. Vợ chồng hạnh phúc khoảng 03 năm thì phát sinh mâu Tẫn, nguyên nhân là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh L sống thiếu trách nhiệm, nên chị đã Tê nhà ra chỗ khác để ở từ tháng 4/2024 cho tới nay. Nay chị đề nghị được ly hôn với anh Phạm Văn L.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của anh Phạm Văn L là bị đơn trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống giữa anh chị đúng như chị T trình bày, vợ chồng hạnh phúc gần 4

năm thì phát sinh mâu Tẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, chị T ra chỗ khác để ở, anh có sang tìm gọi chị T về để vợ chồng chung sống, nhưng chị T không quay về. Nay chị T xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để chị T rút đơn khởi kiện để vợ chồng chung sống. Còn nếu chị T cứ cương quyết xin ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị T, anh L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm chị T cương quyết ly hôn anh cũng đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, T thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Trong thời hạn giải quyết vụ án, các bên đương sự không tự thỏa Tận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đưa vụ án ra xét xử. Đối với nguyên, bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71, 72 của BLTTDS. Tại phiên tòa, chị T và anh L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, HĐXX đã căn cứ các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt chị T, anh L. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Văn L; Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T và bị đơn là anh Phạm Văn L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Liên Hồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương ngày 22 tháng 9 năm 2020. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu Tẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Từ tháng 4/2024 đến nay, anh chị đã sống ly thân không ai có trách nhiệm với ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L mong muốn Tòa án hòa giải để chị T rút đơn khởi kiện. Nhưng chị T cương quyết xin ly hôn nên anh cũng nhất trí. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L đã mâu Tẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ các điều: 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Phạm Văn L.

[3] Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị T, anh L đều không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Phạm Văn L.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0006068 ngày 29/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (chị T nộp biên lai cho Tòa án ngày 02/8/2024)

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND tp Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Liên Hồng;
- Chi cục THADS tp. Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Tú